TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 667/2022/DS-ST
Ngày 26-10-2022
V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 511/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 577/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Số 20/B34 Đường 3/2, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: A8-009 chung cư Ehome 3 Tây Sài Gòn, khu phố 2, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh D, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ liên lạc: Số 45A Cửu Long, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

- Bà Phạm Phùng Trúc M, sinh năm 1986 (vắng mặt);

- Ông Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 9/8 Hồ Văn Tắng, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 31/12/2019, nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L trình bày:

Ngày 23/3/2019, Bà Huỳnh Thị L cho vợ chồng Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ vay số tiền 1.034.200.000 (Một tỷ không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm đồng) theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/3/2019, về lãi các bên thỏa thuận tính theo mức lãi suất của Ngân hàng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Bà đã giao cho bà M, ông Đ đủ số tiền trên. Sau khi hết thời hạn 03 tháng thì bà M, ông Đ không trả tiền cho bà mà cố tình né tránh nên bà khởi kiện yêu cầu bà M, ông Đ phải trả cho bà số tiền gốc là 1.034.200.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/11/2019 là 58.173.750 đồng. Hiện tại, bà sống độc thân.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Hợp đồng cho vay tiền ngày 23/3/2019 (bản sao); chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà L (bản sao); chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà M, ông Đ (bản phô tô).

Bị đơn Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bà M, ông Đ.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.034.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/3/2019 đến ngày 26/10/2022, mức lãi suất 0,75%/tháng tương đương với 9%/năm cụ thể: 1.034.200.000 x 0,75% x 43 tháng 03 ngày = 334.305.150 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà M, ông Đ và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L yêu cầu bị đơn Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ trả số tiền 1.034.200.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/3/2019. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Bị đơn có nợ của nguyên đơn số tiền 1.034.200.000 đồng. Quá trình vay,

bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.034.200.000 đồng, trả ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Về nợ lãi: Tại hợp đồng vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất theo mức lãi của Ngân hàng. Tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng là 0,75%/tháng, tương ứng 9%/năm tính từ ngày 23/3/2019 đến ngày 26/10/2022 cụ thể: 1.034.200.000 x 0,75% x 43 tháng 03 ngày = 334.305.150 đồng, đều này có lợi cho bị đơn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ không thanh toán lãi theo thỏa thuận hợp đồng nói trên, do đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp với thỏa thuận của các bên khi giao kết hợp đồng, phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 và phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ trả số tiền gốc 1.034.200.000 đồng và tiền lãi là 334.305.150 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên; căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ trả cho nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L số tiền gốc 1.034.200.000 đồng và tiền lãi là 334.305.150 đồng, tổng cộng 1.368.505.150 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 146, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ phải trả là phù hợp.

Bà Huỳnh Thị L thuộc trường hợp được miễn đóng tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 201, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L.

Buộc Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ phải trả số tiền gốc là 1.034.200.000 (Một tỷ không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm đồng) và tiền lãi là 334.305.150 (Ba trăm ba mươi bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn một trăm năm mươi đồng), tổng cộng 1.368.505.150 (Một tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm lẻ năm ngàn một trăm năm mươi đồng) cho Bà Huỳnh Thị L, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Phùng Trúc M và Ông Huỳnh Thanh Đ phải chịu là 53.055.155 (Năm mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm ngàn một trăm năm mươi lăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà